

## MẠO TỪ (Articles)

### I- ĐỊNH NGHĨA MẠO TỪ:

Mạo từ là thành phần đứng trước danh từ và cho biết danh từ đó là một danh từ xác định hay danh từ không xác định.

### II- CÁC LOẠI MẠO TỪ:

Có hai loại mạo từ:

- MẠO TỪ KHÔNG XÁC ĐỊNH hay còn gọi là MẠO TỪ BẤT ĐỊNH (indefinite articles)
- MẠO TỪ XÁC ĐỊNH (definite articles)

#### 1. Mạo từ không xác định: a/an

+ **Mạo từ “a”**: đứng trước danh từ đếm được, số ít và danh từ đó phải bắt đầu bằng một phụ âm.

Ví dụ:

- a house (một ngôi nhà) -> Ta thấy “house” là một danh từ đếm được, ở dạng số ít và được bắt đầu bằng một phụ âm “h” nên ta sử dụng mạo từ “a”.

- a student (một học sinh) -> Danh từ “student” là một danh từ đếm được, ở dạng số ít và được bắt đầu bằng một phụ âm “s” nên ta sử dụng mạo từ “a”.

+ **Mạo từ “an”**: Đứng trước danh từ đếm được số ít và danh từ đó bắt đầu bằng một nguyên âm (a,e,i,o,u).

Ví dụ:

- an apple (một quả táo) -> “apple” là một danh từ đếm được, ở dạng số ít và được bắt đầu bằng một nguyên âm “a” nên ta sử dụng mạo từ “an”.

- an umbrella (một cái ô) -> “umbrella” là một danh từ đếm được, ở dạng số ít và được bắt đầu bằng một nguyên âm “u” nên ta sử dụng mạo từ “an”.

#### CHÚ Ý:

+ Một số danh từ đếm được, số ít được bắt đầu bằng một phụ âm “h” + nguyên âm, nhưng ta vẫn sử dụng mạo từ “an” đứng trước vì lúc này “h” là một âm câm (không được đọc).

Ví dụ:

- an hour /'aʊə(r)/ (một giờ) -> “hour” bắt đầu bằng “h” + nguyên âm “o” nhưng do “h” không được phát âm nên ta sử dụng mạo từ “an”.

+ Một số danh từ đếm được, số ít được bắt đầu bằng một nguyên âm “u” và “u” được phát âm là “ju” thì ta sử dụng mạo từ “a” chứ không dùng “an”.

Ví dụ:

- a **u**niversity / ,ju:ni'vɜ:səti/ (một trường đại học) -> “university” là danh từ bắt đầu bằng “u” và “u” được phát âm là “ju” nên ta sử dụng mạo từ “a” đứng trước.

- a **u**nion / 'ju:niən/: (một hiệp hội, liên hiệp) -> “union” là danh từ bắt đầu bằng “u” và “u” được phát âm là “ju” nên ta sử dụng mạo từ “a” đứng trước.

### \*Vị trí và cách sử dụng:

+ Thường đứng trước danh từ **đếm được**, **số ít** và đó là một danh từ chỉ **chung chung, không xác định** (được nhắc đến lần đầu tiên).

Ví dụ:

- I bought **a cat** yesterday. (*Tôi mua một con mèo hôm qua*)

Ta thấy “con mèo” trong trường hợp này lần đầu được nhắc đến và người NGHE trước đó không biết đó là con mèo nào nên ta sử dụng mạo từ không xác định.

## **2. Mạo từ xác định: “the”.**

\* **Đứng trước một danh từ xác định đã được nhắc ở phía trước (người NGHE đã biết được đối tượng mà người nói nhắc đến là gì)**

Ví dụ:

- I bought **a cat** and **a dog** yesterday. **The cat** is white and **the dog** is black. (*Hôm qua tôi mua một con mèo và một con chó. Con mèo thì màu trắng và con chó thì màu đen.*)

Ta thấy khi nói câu thứ nhất thì người NÓI lần đầu nhắc tới “con mèo” và “con chó”. Lúc này người NGHE chưa biết cụ thể đó là “con mèo” và “con chó” nào nên mạo từ KHÔNG XÁC ĐỊNH “a” được sử dụng trước danh từ “cat” và “dog”. Tuy nhiên, khi nói câu thứ hai thì người NGHE đã xác định được “con mèo” và “con chó” mà người NÓI muốn nhắc tới (là hai con vật mới được mua) nên MẠO TỪ XÁC ĐỊNH “the” được sử dụng trước danh từ “cat” và “dog”.

\* **Đứng trước một danh từ mà sau danh từ đó có một mệnh đề hay cụm từ theo sau làm rõ nghĩa.**

Ví dụ:

- I know **the girl who is standing over there**. (*Tôi biết cô gái mà đang đứng ở đằng kia.*)

Ta thấy mệnh đề quan hệ “who is standing over there” là mệnh đề theo sau để bổ nghĩa cho danh từ “girl” nên ta sử dụng mạo từ “the” phía trước danh từ “girl”.

- **The man with brown eyes** is my husband. (*Người đàn ông mà có đôi mắt nâu là chồng của tôi.*)

Ta thấy cụm từ “with brown eyes” là cụm từ theo sau để bổ nghĩa cho danh từ “man” nên trước “man” ta cần sử dụng mạo từ “the”.

\* **Đứng trước các danh từ là chỉ người hoặc vật chỉ có DUY NHẤT.**

Ví dụ:

- **The earth** goes around **the sun**. (*Trái đất quay quanh mặt trời.*)

Ta thấy “trái đất” và “mặt trời” đều duy nhất chỉ có một. Vậy nên ta sẽ sử dụng mạo từ xác định “the” đứng trước.

- **The president** of America is Obama now. (*Tổng Thống Mỹ bây giờ là ông Obama.*)

Ta thấy một đất nước cũng chỉ có duy nhất một “Tổng thống” vậy nên ta sẽ sử dụng mạo từ xác định “the” đứng trước.

\* **Đứng trước một tính từ để chỉ một cộng đồng người.**

Ví dụ:

- **The deaf** are not able to hear. (*Những người điếc đều không thể nghe.*)

Ta thấy “deaf” là tính từ “điếc”.(thường đi sau động từ “to be” hoặc đứng trước danh từ bổ nghĩa cho danh từ.) Khi tính từ này đi sau “the” thì nó sẽ đóng vai trò như là một danh từ và chỉ một nhóm hay một cộng đồng người “điếc”.

- **The rich** have a lot more money than **the poor** (*Những người giàu có nhiều tiền hơn rất nhiều so với người nghèo.*)

Ta thấy “rich” và “poor” là hai tính từ “giàu” và “nghèo”. Khi đi sau “the” thì hai tính từ này sẽ có vai trò như là một danh từ chỉ một nhóm hay một cộng đồng người.

\* **Đứng trước danh từ riêng chỉ HỌ ở dạng số nhiều để nói đến cả vợ chồng hay cả gia đình.**

Ví dụ:

- **The Browns** are travelling in Vietnam now. (*Ông bà Brown (Gia đình ông bà Brown) bây giờ đang du lịch ở Việt Nam.*)

Ta thấy “Brown” là một họ khá phổ biến ở Anh. Và khi ta sử dụng ở dạng số nhiều và có “the” phía trước ta hiểu là người nói muốn nhắc đến cả hai “ông bà Brown” hay cả “gia đình nhà Brown”

\* **Sử dụng trong cấu trúc chỉ địa điểm, nơi chốn, hay phương hướng**

**Giới từ + the + Danh từ (chỉ địa điểm, phương hướng)**

Ví dụ:

- I live **in the North** of Vietnam. (*Tôi sống ở phía Bắc của Việt Nam*)

Ta thấy trong câu sử dụng cấu trúc: “in” (giới từ) + the + North (danh từ chỉ phương hướng)

\* **Sử dụng trước các danh từ chỉ nhạc cụ**

Ví dụ:

- My daughter is playing **the piano**. (*Con gái tôi đang chơi đàn piano.*)

- My father plays **the violin** very well. (*Bố tôi chơi đàn vi-ô-lông rất giỏi.*)

Ta thấy “piano” và “violin” là tên của hai loại nhạc cụ nên ta sử dụng “the” đứng trước chúng.

**\* Sử dụng trong cấu trúc so sánh hơn nhất**

Ví dụ:

- Your sister is **the most intelligent** girl I've ever met. (*Em gái bạn là cô gái thông minh nhất mà tôi từng gặp.*)

Ta thấy trong câu sử dụng cấu trúc so sánh hơn nhất đối với tính từ dài: the + most + tính từ dài.

**3. Các trường hợp không sử dụng mạo từ “a/an/the”.**

**\* Với các danh từ riêng chỉ TÊN địa điểm như quốc gia, thành phố, quận, thị xã,..**

Ví dụ:

- My sister wants to go to **England** in the near future. (*Em gái tôi muốn tới nước Anh trong tương lai gần*)

- I live in **Hanoi** with my family. (*Tôi sống ở Hà Nội với gia đình của tôi*)

Ta thấy “England” là tên của một quốc gia, “Hanoi” là tên của một thành phố và trước chúng ta không sử dụng mạo từ.

**\* Với ngày, tháng, năm**

- My son goes to school from **Monday** to **Friday**. (*Con trai tôi tới trường từ thứ 2 đến thứ 6*)

Ta thấy “Monday” và “Tuesday” là hai thứ trong tuần nên ta không sử dụng mạo từ trước chúng.

**\* Với các môn thể thao**

Ví dụ:

- I like playing **badminton** and **football**. (*Tôi thích chơi cầu lông và bóng đá*)

Ta thấy “badminton” và “football” là hai môn thể thao nên ta không sử dụng mạo từ phía trước.

**\* Trong các cấu trúc:**

- at night: vào ban đêm

- at school: ở trường học

- at home: ở nhà

- go to school/ go to market/ go to work: đi học/ đi chợ/ đi làm

## BÀI TẬP TỔNG HỢP VỀ MẠO TỪ “A/AN/THE”

**Exercise 1:** Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống (chú ý: ký hiệu “x” có nghĩa là không cần mạo từ)

- We are looking for \_\_\_\_\_ place to spend \_\_\_\_\_ night.  
A. the/the      B. a/the      C. a/a      D. the/a
- Please turn off \_\_\_\_\_ lights when you leave \_\_\_\_\_ room.  
A. the/the      B. a/a      C. the/a      D. a/the
- We are looking for people with \_\_\_\_\_ experience.  
A. the      B. a      C. an      D. x
- Would you pass me \_\_\_\_\_ salt, please?  
A. a      B. the      C. an      D. x
- Can you show me \_\_\_\_\_ way to \_\_\_\_\_ station?  
A. the/the      B. a/a      C. the/a      D. a/the
- She has read \_\_\_\_\_ interesting book.  
A. a      B. an      C. the      D. x
- You'll get \_\_\_\_\_ shock if you touch \_\_\_\_\_ live wire with that screwdriver.  
A. an/the      B. x/the      C. a/a      D. an/the
- Mr. Smith is \_\_\_\_\_ old customer and \_\_\_\_\_ honest man.  
A. An/the      B. the/an      C. an/an      D. the/the
- \_\_\_\_\_ youngest boy has just started going to \_\_\_\_\_ school.  
A. a/x      B. x/the      C. an/x      D. the/x
- Do you go to \_\_\_\_\_ prison to visit him?  
A. the      B. a      C. x      D. an
- \_\_\_\_\_ eldest boy is at \_\_\_\_\_ college.  
A. a/the      B. the/x      C. x/ a      D. an/x
- Are you going away next week? No, \_\_\_\_\_ week after next.  
A. an      B. a      C. the      D. x
- Would you like to hear \_\_\_\_\_ story about \_\_\_\_\_ English scientist?  
A. an/the      B. the/the      C. a/the      D. a/ an
- There'll always be a conflict between \_\_\_\_\_ old and \_\_\_\_\_ young.  
A. the/the      B. an/a      C. an/the      D. the/a
- There was \_\_\_\_\_ collision at \_\_\_\_\_ corner.

A. the/a                      B. an/the                      C. a/the                      D. the/the

16. My mother thinks that this is \_\_\_\_\_ expensive shop.

A. the                      B. an                      C. a                      D. x

17. Like many women, she loves \_\_\_\_\_ parties and \_\_\_\_\_ gifts.

A. the/ a                      B. a/the                      C. a/a                      D. x/x

18. She works seven days \_\_\_\_\_ week.

A. a                      B. the                      C. an                      D. x

19. My mother goes to work in \_\_\_\_\_ morning.

A. a                      B. x                      C. the                      D. an

20. I am on night duty. When you go to \_\_\_\_\_ bed, I go to \_\_\_\_\_ work.

A. a/x                      B. a/the                      C. the/x                      D. x/x

**Exercise 2:** Câu chuyện sau được chia thành các câu nhỏ, hãy đọc và điền mạo từ thích hợp “a/an/the hoặc x (không cần mạo từ)” vào chỗ trống:

1. There was \_\_\_\_\_ knock on \_\_\_\_\_ door. I opened it and found \_\_\_\_\_ small dark man in \_\_\_\_\_ blue overcoat and \_\_\_\_\_ woolen cap.

2. He said he was \_\_\_\_\_ employee of \_\_\_\_\_ gas company and had come to read \_\_\_\_\_ meter.

3. But I had \_\_\_\_\_ suspicion that he wasn't speaking \_\_\_\_\_ truth because \_\_\_\_\_ meter readers usually wear \_\_\_\_\_ peaked caps.

4. However, I took him to \_\_\_\_\_ meter, which is in \_\_\_\_\_ dark corner under \_\_\_\_\_ stairs.

5. I asked if he had \_\_\_\_\_ torch; he said he disliked torches and always read \_\_\_\_\_ meters by \_\_\_\_\_ light of \_\_\_\_\_ match.

6. I remarked that if there was \_\_\_\_\_ leak in \_\_\_\_\_ gas pipe there might be \_\_\_\_\_ explosion while he was reading \_\_\_\_\_ meter.

7. He said, “As \_\_\_\_\_ matter of \_\_\_\_\_ fact, there was \_\_\_\_\_ explosion in \_\_\_\_\_ last house I visited; and Mr. Smith, \_\_\_\_\_ owner of \_\_\_\_\_ house, was burnt in \_\_\_\_\_ face.”

8. “Mr. Smith was holding \_\_\_\_\_ lighted match at \_\_\_\_\_ time of \_\_\_\_\_ explosion.”

9. To prevent \_\_\_\_\_ possible repetition of this accident, I lent him \_\_\_\_\_ torch.

10. He switched on \_\_\_\_\_ torch, read \_\_\_\_\_ meter and wrote \_\_\_\_\_ reading down on \_\_\_\_\_ back of \_\_\_\_\_ envelope.

11. I said in \_\_\_\_\_ surprise that \_\_\_\_\_ meter readers usually put \_\_\_\_\_ readings down in \_\_\_\_\_ book.

12. He said that he had had \_\_\_\_\_ book but that it had been burnt in \_\_\_\_\_ fire in \_\_\_\_\_ Mr. Smith's house.

13. By this time I had come to \_\_\_\_\_ conclusion that he wasn't \_\_\_\_\_ genuine meter reader; and \_\_\_\_\_ moment he left \_\_\_\_\_ house I rang \_\_\_\_\_ police.

**Exercise 3: Điền mạo từ thích hợp “a/an/the hoặc x (không cần mạo từ)” vào chỗ trống.**

14. Are John and Mary \_\_\_\_\_ cousins? ~

No, they aren't \_\_\_\_\_ cousins; they are \_\_\_\_\_ brother and \_\_\_\_\_ sister.

15. \_\_\_\_\_ fog was so thick that we couldn't see \_\_\_\_\_ side of \_\_\_\_\_ road. We followed \_\_\_\_\_ car in front of us and hoped that we were going \_\_\_\_\_ right way.

16. I can't remember \_\_\_\_\_ exact date of \_\_\_\_\_ storm, but I know it was on \_\_\_\_\_ Sunday because everybody was at \_\_\_\_\_ church. On \_\_\_\_\_ Monday \_\_\_\_\_ post didn't come because \_\_\_\_\_ roads were blocked by \_\_\_\_\_ fallen

trees.

17. Peter thinks that this is quite \_\_\_\_\_ cheap restaurant.

18. A: There's \_\_\_\_\_ murder here. ~

B: Where's \_\_\_\_\_ body?~

A: There isn't \_\_\_\_\_ body. ~

B: Then how do you know there's been \_\_\_\_\_ murder?

19. Number \_\_\_\_\_ hundred and two, - \_\_\_\_\_ house next door to us, is for sale.

It's quite \_\_\_\_\_ nice house with \_\_\_\_\_ big rooms \_\_\_\_\_ back windows look out on \_\_\_\_\_ park.

20. I don't know what \_\_\_\_\_ price \_\_\_\_\_ owners are asking. But Dry and Rot are \_\_\_\_\_ agents. You could give them \_\_\_\_\_ ring and make them \_\_\_\_\_ offer

21. \_\_\_\_\_ postman's little boy says that he'd rather be \_\_\_\_\_ dentist than \_\_\_\_\_ doctor, because \_\_\_\_\_ dentists don't get called out at \_\_\_\_\_ night.

22. Just as \_\_\_\_\_ air hostess (there was only one on the plane) was handing me \_\_\_\_\_ cup of \_\_\_\_\_ coffee \_\_\_\_\_ plane gave \_\_\_\_\_ lunch and \_\_\_\_\_ coffee went all over \_\_\_\_\_ person on \_\_\_\_\_ other side of \_\_\_\_\_ gangway.

23. There was \_\_\_\_\_ collision between \_\_\_\_\_ car and \_\_\_\_\_ cyclist at \_\_\_\_\_ crossroads near \_\_\_\_\_ my house early in \_\_\_\_\_ morning.

24. Professor Jones, \_\_\_\_\_ man who discovered \_\_\_\_\_ new drug that everyone is talking about, refused to give \_\_\_\_\_ press conference.

25 Peter Piper, \_\_\_\_\_ student in \_\_\_\_\_ professor's college, asked him why he refused to talk to \_\_\_\_\_ press.

## ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỔNG HỢP VỀ MẠO TỪ "A/AN/THE"

### Exercise 1:

1. B 2. A 3. D 4. B 5. A 6. B 7. B 8. C 9. D 10. A  
11. B 12. C 13. D 14. A 15. C 16. B 17. D 18. A 19. C 20. D

### Exercise 2:

- |                                       |                                |
|---------------------------------------|--------------------------------|
| 1. a - the - a - a - a                | 8. a - the - the               |
| 2. an - the - the                     | 9. a - a                       |
| 3. a - the - x - x                    | 10. the - the - the - the - an |
| 4. the - the - the                    | 11. x - x - the - a            |
| 5. a - x - the - a                    | 12. a - the - x                |
| 6. a - a - an - the                   | 13. the - a - the - the - the  |
| 7. a - x - an - the - the - the - the |                                |

### Exercise 3:

- |   |   |
|---|---|
| 14. x - x - x - x                         | 20. x - the - the - a - an                        |
| 15. The - the - the - the - the           | 21. The - a - a - x - x                           |
| 16. the - the - x - the - x - the - x - x | 22. the - a - x - the - a - the - the - the - the |
| 17. a                                     | 23. a - a - a - the - x - the.                    |
| 18. a - the - a - a                       | 24. the - the - a                                 |
| 19. a - the - a - x - the - the           | 25. a - the - the                                 |